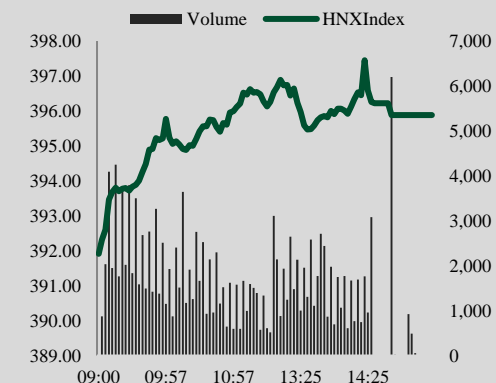
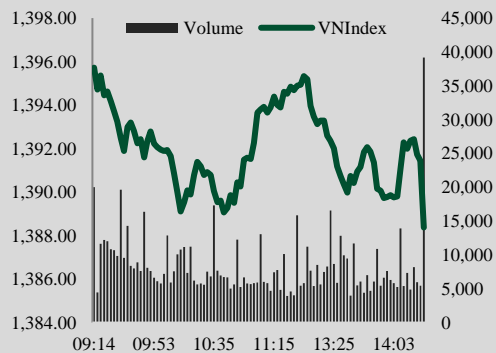


## TIÊU ĐIỂM

**VN Index ghi nhận một phiên điều chỉnh giảm điểm do áp lực chốt lời trên các cổ phiếu vốn hóa lớn vào nửa cuối phiên chiều.**

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,385.40	395.88
Thay đổi	-0.28%	1.19%
KLGD (tr.cổ phiếu)	871.79	152.54
GTGD (tỷ VND)	26,909.58	3,482.79
Số cổ phiếu tăng giá	200	148
Số cổ phiếu đứng giá	47	39
Số cổ phiếu giảm giá	240	104

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,478.00	-14.00
VN30F2M	1,476.10	-16.80
VN30F1Q	1,475.90	-10.70
VN30F2Q	1,475.00	-12.60



## VN INDEX MẮT 4 ĐIỂM, MỘT SỐ CỔ PHIẾU VN30 BI BÁN MẠNH

- **VN Index ghi nhận một phiên điều chỉnh giảm điểm do áp lực chốt lời trên các cổ phiếu vốn hóa lớn vào nửa cuối phiên chiều. Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên liền trước về giá trị và khối lượng giao dịch.**
- VN Index mở cửa phiên trong sắc xanh nhưng diễn biến chủ yếu trong phiên sáng là dao động tích lũy quanh mốc 1,390 điểm. Sang tới phiên chiều, sau một vài nhịp hồi nhẹ, lực cung gia tăng và lan rộng trên toàn thị trường và tập trung ở hầu hết các cổ phiếu trong nhóm vốn hóa lớn (VIC, TCB, HPG...), theo đó khiến chỉ số quay đầu giảm khá nhanh, nhưng vẫn giữ được trên mốc 1,380 điểm khi kết phiên. Thanh khoản thị trường trên cả ba sàn đạt khoảng 27,500 tỷ VND. Kết phiên, VN Index giảm 3.84 điểm (-0.28%) và dừng tại mức 1,385.40 – cũng là mức giá thấp nhất trong ngày hôm nay, trong khi HNX Index bứt phá lên mức 395.88 (+1.19%).
- Việc dòng tiền giảm nhẹ trong những phiên này cho thấy nhà đầu tư luôn chủ động chốt lời mỗi khi chỉ số đi vào vùng kháng cự quanh ngưỡng 1,400 như hiện tại. Mặc dù vậy, chỉ số vẫn giữ vững mốc 1,380 điểm sau nhiều phiên giảm liên tiếp, cho thấy ngưỡng này tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ cho chỉ số trong ngắn hạn.

### Khuyến nghị

- Việc VN Index nhiều lần thất bại trước mốc 1,400 điểm và quay đầu giảm có thể sẽ gây tác động tâm lý xấu lên phần lớn nhà đầu tư và tiếp tục kích hoạt lực bán trên thị trường. **Do đó trong bối cảnh hiện tại, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cần tuân thủ kỷ luật đầu tư đã đề ra và thực hiện chốt lời/cắt lỗ nếu vi phạm các mức quy định, trong đó ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu hơn là tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn thông qua hoạt động bắt đáy trong giai đoạn này.**
- **Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q2.2021 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.**

## Một số tin tức đáng chú ý

- **Hạ viện Mỹ lạc quan về triển vọng thông qua dự luật chi tiêu khổng lồ.** Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi cho rằng các nghị sĩ đảng Dân chủ đang tiến gần tới việc đạt được một thỏa thuận về gói chi tiêu xã hội, vốn gây chia rẽ giữa những nghị sĩ cấp tiến và ôn hòa.
- **Báo chí quốc tế: Nền kinh tế Việt Nam sẽ sớm 'bật dậy'.** Trong tuần qua, nhiều tờ báo, trang tin quốc tế đã có bài đánh giá về tiềm năng kinh tế Việt Nam, đồng thời tin tưởng kinh tế sẽ sớm phục hồi trong thời gian ngắn.

## Các danh mục cổ phiếu đầu tư tham khảo

- [Danh mục cổ phiếu đầu tư ngắn hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư tăng trưởng dài hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư theo cổ tức](#)

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

MÃ	NGÀY KHUYẾN NGHỊ	TRẠNG THÁI	NGÀY MUA	VÙNG MUA KHUYẾN NGHỊ	GIÁ HIỆN TẠI	NGƯỠNG CẮT LỖ	NGƯỠNG CHỐT LỜI	ƯỚC TÍNH % LÃI/LỖ	GHI CHÚ
<b>HT1</b>	31/08/2021	Đang nắm giữ	07/09/2021	21.00 - 21.50	<b>24.10</b>	19.75	25.70	13.41%	Cổ phiếu vẫn đang nằm trong xu hướng tăng giá tích cực và nhận được sự chú ý của dòng tiền.
<b>ILB</b>	31/08/2021	Đang nắm giữ	08/09/2021	32.00 - 32.50	34.55	30.30	38.05	7.13%	Cổ phiếu thuộc nhóm ngành có triển vọng kinh doanh tích cực giai đoạn cuối năm 2021 và vẫn đang nằm trong xu hướng tăng giá tích cực.

**DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN**

MÃ	GIÁ ĐIỀU CHỈNH (TẠI THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU KHUYẾN NGHỊ)	GIÁ MỤC TIÊU	GIÁ ĐÓNG CỬA HIỆN TẠI	% ƯỚC TÍNH LÃI/LỖ	ROA %	ROE %	EPS 2020 (nghìn VND)	P/E	P/B	Ghi chú
<b>TPB</b>	33.85	46.70	42.00	24.08%	2.03	22.92	3.40	9.48	1.99	
<b>TCB</b>	49.50	67.50	50.90	2.83%	3.69	22.05	3.52	10.25	2.04	
<b>PET</b>	20.80	32.00	30.00	44.23%	3.01	10.84	1.53	13.63	1.55	
<b>LHG</b>	48.40	58.80	55.50	14.67%	12.41	25.93	3.66	8.19	1.96	
<b>TV2</b>	44.30	61.10	56.60	27.77%	9.48	24.30	5.82	9.51	2.12	
<b>PC1</b>	25.10	42.50	39.70	58.17%	5.58	17.46	2.68	11.52	1.74	Điều chỉnh tăng giá mục tiêu theo báo cáo cập nhật mới nhất
<b>PGV</b>	25.68	35.30	29.10	13.32%	2.40	13.03	1.59	18.31	2.24	Bổ sung ngày 31/08/2021
<b>GMD</b>	43.60	50.10	50.00	14.68%	4.36	6.68	1.15	36.84	2.45	Đã vượt Giá mục tiêu
<b>SZC</b>	38.60	45.60	59.00	52.85%	6.03	21.17	1.68	22.96	4.22	Đã vượt Giá mục tiêu
<b>DGC</b>	83.00	150.00	157.00	89.16%	21.01	28.09	4.99	21.63	5.43	Đã vượt Giá mục tiêu
<b>CSV</b>	41.30	54.20	47.70	15.50%	13.23	17.35	3.64	12.08	2.05	Đã vượt Giá mục tiêu
<b>NKG</b>	32.00	44.00	52.20	63.13%	12.91	37.07	1.39	7.69	2.45	Đã vượt Giá mục tiêu

**DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ THEO CỔ TỨC**

MÃ	GIÁ ĐÓNG CỬA PHIÊN HÔM NAY	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT/MỆNH GIÁ NĂM 2020	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT 2020 / GIÁ HIỆN TẠI	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B	GHI CHÚ
DVP	61.00	25.00%	4.10%	18.90	20.76	5.94	9.21	1.86	
FOC	119.50	200.00%	16.74%	18.98	24.16	9.99	11.97	2.70	
GHC	38.40	27.00%	7.03%	7.85	18.68	3.56	10.79	2.24	
HLD	48.90	10.00%	2.04%	7.83	11.79	3.71	18.89	2.50	
LHG	55.50	15.00%	2.70%	12.41	25.93	3.66	8.19	1.96	*: Ước tính cho năm 2020
NCT	87.40	75.00%	8.58%	43.15	52.80	7.49	10.34	5.68	
NT2	23.55	25.00%	10.62%	9.10	14.47	2.10	11.42	1.65	
RAL	195.90	50.00%	2.55%	8.86	33.48	29.23	6.45	1.97	
PPC	22.70	20.00%	8.81%	11.51	13.31	3.15	9.98	1.50	
VEA	40.70	35.00%	8.60%	18.35	21.41	4.17	9.77	2.16	*: Ước tính cho năm 2020

## GÓC NHÌN KỸ THUẬT

### VN Index



VN Index sụt giảm mạnh khi nhà đầu tư tổ ra bị quan sau khi chỉ số thất bại trước ngưỡng 1,400. Tín hiệu MACD bắt đầu cho thấy xu hướng giảm, tuy nhiên chúng ta cần chờ thêm tín hiệu đường MA(10) cắt xuống MA(20) để xác định xu thế mới. Ngưỡng kháng cự tại 1,400 – 1,410, ngưỡng hỗ trợ tại 1,370 – 1,380.

### Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	BCM	47.95	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 45.10 Chốt lời: 56.60



## THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

### TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

#### HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
GVR	39,300	2.61	1.059	8.64MLN
BVH	64,500	6.97	0.826	4.46MLN
VHM	78,500	0.64	0.577	6.78MLN
BCM	47,700	3.36	0.425	1.08MLN
PLX	54,100	2.27	0.411	1.07MLN

#### HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
IDC	66,300	5.57	1.518	3.87MLN
IDJ	52,400	9.85	0.468	1.26MLN
L14	149,900	8.47	0.396	112,300
APS	36,000	9.76	0.361	2.84MLN
NTP	56,500	9.92	0.326	252,700

### TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

#### HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
HPG	55,100	-2.82	-1.895	41.61MLN
TCB	50,900	-2.68	-1.299	28.53MLN
TPB	42,000	-2.78	-0.372	3.64MLN
SHB	26,950	-2.36	-0.332	18.19MLN
FPT	94,900	-1.35	-0.312	2.94MLN

#### HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHS	36,600	-2.40	-0.496	4.29MLN
NVB	27,900	-1.06	-0.222	285,600
VCS	126,100	-2.25	-0.168	385,900
BAB	21,500	-0.46	-0.122	34,400
MBS	32,400	-2.41	-0.097	1.52MLN

### TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

#### HOSE

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
C32	551.61	36,700	2,263,900	7.00
BMI	4,878.27	44,500	2,737,300	6.97
SGR	1,566.00	26,100	143,900	6.97
BVH	47,879.82	64,500	4,464,000	6.97
TLD	337.63	8,450	2,575,000	6.96

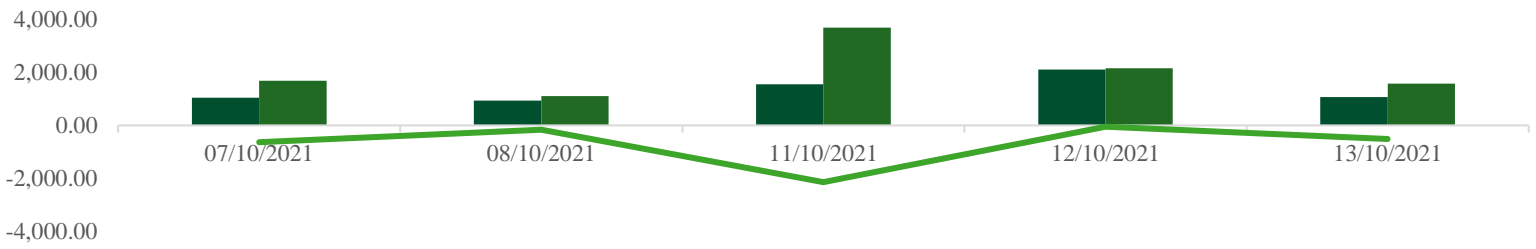
#### HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
L18	1,844.84	48,400	468,400	10.00
NTP	6,655.48	56,500	62,905	9.92
API	2,325.78	65,700	268,974	9.87
IDJ	3,852.08	52,400	916,176	9.85
LAS	2,527.98	22,400	2,615,274	9.80

### TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q2.2020 (Tỷ VND)	LNST Q2.2021 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	NKG	52.20	15,480,900	17.30	847.51	4798.90%
2	SMC	51.90	1,595,500	41.83	532.29	1172.51%
3	HSG	47.00	15,542,700	318.11	1,701.82	434.98%
4	LPB	20.65	3,607,000	320.63	740.49	130.95%
5	OCB	27.00	5,752,000	605.70	1,107.92	82.92%
6	TCB	50.90	28,527,000	2,889.00	4,806.66	66.38%
7	TPB	42.00	3,636,400	817.85	1,268.92	55.15%
8	VPB	37.00	8,556,600	2,951.02	4,016.36	36.10%
9	GAS	112.00	2,117,000	1,828.02	2,301.38	25.89%
10	MBB	27.60	8,955,400	2,389.66	2,730.50	14.26%

## Hoạt động khối ngoại trên HSX, HNX, UpCom



### TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

#### HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
HAH	73,000	84.67	0.39	84.27
VRE	30,400	76.41	31.98	44.44
HDG	64,400	32.57	1.54	31.02
MBB	28,600	76.40	50.58	25.82
LPB	21,800	23.36	0.06	23.30

### TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

#### HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
HPG	56,800	33.33	182.49	149.16
SSI	41,000	3.67	73.23	69.56
VNM	90,100	78.96	144.92	65.95
PAN	29,800	0.27	60.46	60.19
VHM	80,000	21.53	80.67	59.13

#### HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
PVI	45,700	14.98	-	14.98
BCC	23,400	6.93	-	6.93
VCS	128,200	2.30	0.01	2.29
THD	229,000	0.96	-	0.96
NBC	26,400	0.93	0.08	0.86

#### HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
PVS	28,800	0.02	2.71	2.68
SHS	37,500	-	9.39	9.39
VNR	39,900	-	2.08	2.08
PMC	62,800	-	1.04	1.04
TDN	17,100	0.17	1.10	0.93

#### UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
QNS	51,700	7.20	5.24	1.96
LTG	42,200	1.77	-	1.77
BSR	22,600	0.79	0.05	0.73
WSB	54,800	0.93	0.55	0.38
CLX	22,500	0.37	-	0.37

#### UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
ABI	65,700	8.04	11.33	3.29
ACV	86,800	1.12	4.00	2.88
VEA	41,700	0.29	2.98	2.69
NTC	170,700	-	2.05	2.05
DDV	28,500	0.03	0.21	0.18

## ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Trần Minh Hoàng**

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

[tmhoang@vcbs.com.vn](mailto:tmhoang@vcbs.com.vn)

**Nguyễn Hoàng Minh**

Chiến lược gia thị trường

[nhminh@vcbs.com.vn](mailto:nhminh@vcbs.com.vn)

**Mai Ngọc Kha**

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

[mnkha@vcbs.com.vn](mailto:mnkha@vcbs.com.vn)

**Hoàng Tùng Vũ**

Chuyên viên phân tích thị trường

[htvu@vcbs.com.vn](mailto:htvu@vcbs.com.vn)



**Ra mắt  
VCBS Mobile  
Hoàn toàn mới  
Ưu đãi ngập tràn**

**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**



**Trụ sở chính Hà Nội**

Tầng 12&17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 12, số 251 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1 & 7, Toà nhà Green Star số 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh



**Hotline: 1900 98 9999**



**Website: [www.vcbs.com.vn](http://www.vcbs.com.vn)**



